

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 30-9-2024  
“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vũ.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Minh Phụng;

Ông Nguyễn Hữu Phúc.

*Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Tâm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Hồng Thắm- Kiểm sát viên.*

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 262/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024, về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trương Thị H** năm 1977.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

- Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn L** năm 1973.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 08/7/2024; biên bản lấy lời khai ngày 26/8/2024; biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 26/6/2024 và tại phiên tòa chị **Trương Thị H** bày: Chị và anh **L** hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P quy định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn,*

nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống, không có tiếng nói chung với nhau. Đến khoảng năm 2022 thì vợ chồng chị ly thân với nhau, anh L2 về quê (xã P. Từ khi vợ chồng ly thân với nhau, không gặp nhau và không thể hàn gắn chung sống lại với nhau được.

Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn với nhau nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn L3

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh L4 sinh được hai người con chung tên là Huỳnh Thị N ngày 06/9/2011 và Huỳnh L1 sinh ngày 21/7/2017. Hiện tại cháu N1 cháu L1 đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh Lcấp D nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/8/2024 anh Huỳnh Văn L5 bày: Anh và chị H2 hiểu và kết hôn với nhau (không nhớ kết hôn năm nào). Sau khi kết hôn, vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã P quy định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống, không có tiếng nói chung với nhau. Đến khoảng năm 2023 thì anh dẫn con về quê (xã P) để tạo điều kiện thuận lợi cho con anh đi học, thì vợ chồng anh không còn sống chung với nhau nữa.

Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh có sinh được hai người con chung tên là Huỳnh Thị N ngày 06/9/2011 và Huỳnh L1 sinh ngày 21/7/2017. Hiện tại cháu N1 cháu L1 đang sống chung với chị H3 Hiện nay anh không đồng ý giao con cho chị H4 dưỡng, anh yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh có mua được 10 công đất ruộng hiện chị H5 tên nhưng anh không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tố tụng và đường lối giải quyết vụ án trên như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, cho đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì thêm đối với vụ án trên.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, 56, 58, 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Trương Thị H6** đối với anh **Huỳnh Văn L3** (theo giấy chứng nhận kết hôn số 80, quyển số 01/2011, ngày 19 tháng 9 năm 2011, của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T).

Về con chung: Giao con chung tên **Huỳnh Thị N** ngày 06/9/2011 và **H7 L1** sinh ngày 21/7/2017 cho chị H tiếp tục trong nôm, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh L không cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị **Trương Thị H6** khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh **Huỳnh Văn L3** và tranh chấp nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung”. Bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Tại phiên tòa, chị H yêu cầu được ly hôn với anh **Huỳnh Văn L3**, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Nhận định của Hội đồng xét xử:

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H với anh L là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh, chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cự cãi nhau, dẫn đến anh, chị ly thân với nhau từ năm 2022. Từ khi anh, chị ly thân cho đến nay, cả hai không tìm cách hàn gắn, chung sống lại với nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải, động viên cho vợ chồng anh chị hàn gắn, chung sống lại với nhau, nhưng anh L không có mặt theo Thông báo của Tòa án, chứng tỏ rằng anh không quan tâm gì đến hôn nhân của vợ chồng anh. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/8/2024, anh **L10** đồng ý ly hôn với chị **H8** anh không đưa ra được phương cách gì để chị **H9** ý hàn gắn, chung sống lại với anh. Xét thấy, đời sống chung của anh, chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh L là hoàn toàn phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị H và anh L có sinh được hai con chung tên **Huỳnh Thị N** ngày 06/9/2011 và **Huỳnh L1** sinh ngày

21/7/2017, hiện nay hai cháu đang sống với chị **H3** Tại phiên tòa, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi chị H và anh Lâm ly T với nhau, cháu **N1** cháu **L6** do chị H nuôi dưỡng, trong quá trình nuôi dưỡng, chị H vẫn đảm bảo cho cháu **N1** cháu **L6** có cuộc sống ổn định, phát triển tốt. Mặt khác, tại Bản tự khai ngày 26/8/2024 cháu **L6** và cháu Như cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị H, nghĩ nên tiếp tục giao cháu **N1** cháu **L6** cho chị **H4** dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh L không cấp dưỡng nuôi con chung, do chị H không yêu cầu.

Anh L được quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình thu thập chứng cứ, tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/8/2024 anh **L7** rằng anh và chị **H10** tài sản chung là 10 công đất ruộng, nhưng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết và tại phiên tòa chị **H11** không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết phần tài sản chung và nợ chung của chị và anh L Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với tài sản chung và nợ chung của chị H và anh L trong vụ án này, là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa, anh L vắng mặt lần thứ 2, xét thấy anh L đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L là phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa, phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, phù hợp với các quy định của pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Trương Thị H6** đối với anh **Huỳnh Văn L3** (theo giấy chứng nhận kết hôn số 80, quyển số 01/2011 ngày đăng ký 19 tháng 9 năm 2011, của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T).

Cho chị **Trương Thị H6** và anh **Huỳnh Văn L8** ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung của chị H và anh L9 Huỳnh Thị N2, sinh ngày 06/9/2011 và H13, sinh ngày 21/7/2017 cho chị H chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Anh Huỳnh Văn L10 cấp dưỡng nuôi con do chị Trương Thị H12 yêu cầu.

Anh L được quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011716 ngày 01/8/2024, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Báo cho nguyên đơn biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, người yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Phòng GDKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- UBND xã Phú Cường;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hoàng Vũ**